TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HC-PT
Ngày: 06-01-2025
V/v: " Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông **Quách Hòa Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 235/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2363/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Ngô Thị C, sinh năm 1941; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị C: ông Huỳnh Ngọc Ấ, sinh năm 1975, theo Giấy ủy quyền ngày 30/11/2023; địa chỉ: Số H H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện S.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Công H, chức vụ: Phó chủ tịch. Có mặt.

Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện S, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện S.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã T; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tăng V, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung của bà** Ngô Thị C**, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông** Huỳnh Ngọc Ấ **là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Bà Ngô Thị C và chồng là ông Nguyễn Tăng N (sinh năm 1931, chết năm 1972) kết hôn vào năm 1962. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà Chánh S hạ được 03 người con chung gồm: Nguyễn Tăng V, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị H1. Ngoài những người con kể trên, vợ chồng bà C không có con riêng hoặc con nuôi. Năm 1972, ông N chết không để lại di chúc, từ đó đến nay bà C không lập gia đình với ai.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà C có tạo lập 01 mảnh vườn diện tích hơn 06 sào (tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện S). Trên mảnh vườn này vợ chồng bà C đã làm nhà ở và cư trú ổn định từ trước năm 1970. Năm 1972 ông N chết, từ đó bà C cùng các con quản lý, sử dụng, sửa chữa nhà ở nhiều lần, đến năm 2019 bà C sửa chữa lại như hiện nay. Ngoài căn nhà cấp 4, trên mảnh vườn này vợ chồng bà C còn đào 01 giếng nước khép buy bê tông, làm chuồng bò, trồng một số cây lâu năm khác, đến năm 2019 bà C xây dựng tường rào trụ bê tông, lưới B40.

Thực hiện chính sách quản lý đất đai của Nhà nước, bà Ngô Thị C kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ và có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất (Quyển số 01, trang số 13) thuộc thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 xã T, diện tích 2.764m^2, loại đất thổ cư (T). Năm 1998, hộ bà Ngô Thị C được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.168m^2; thế nhưng không biết vì lý do gì lại ghi loại đất ĐRM. Tại thời điểm này, bà C không hiểu biết gì về ký hiệu loại đất nên không có ý kiến.

Vừa qua, bà Ngô Thị C có nhận được Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp V giai đoạn 1B tại xã T (Đ) và Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Ngô Thị C thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp V giai đoạn 1B tại xã T (Đ). Qua nội dung 02 quyết định trên bà C biết được UBND huyện S thu hồi 2.922,4m^2 của thửa đất số 254, tờ bản đồ số 02 để thực hiện dự án: Khu công nghiệp V giai đoạn 1B tại xã T và bồi thường, hỗ trợ tổng giá trị đất, tài sản trên đất là 536.649.180 đồng; trong đó, loại đất được bồi thường là loại đất BHK với tổng giá trị đất được bồi thường là 490.963.340 đồng.

Việc UBND huyện S thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp V bà C không có ý kiến gì, nhưng UBND huyện S thu hồi và lập phương án bồi thường với loại đất BHK và không bồi thường nhà ở, công trình xây dựng khác cũng như một số cây cối, hoa màu của bà C trồng trên đất là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi vì:

Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 40 xã T (Theo Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04) có nguồn gốc của vợ chồng bà C tạo lập và sử dụng làm nhà ở từ trước năm 1970, sau đó sửa chữa qua nhiều năm và gần đây nhất là sửa chữa vào năm 2019. Trên đất còn có các công trình xây dựng khác của vợ chồng bà C đang còn hiện hữu.

Thực hiện chính sách quản lý đất đai của Nhà nước, bà C kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ và có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất (Quyển số 01, trang số 13) thuộc thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 xã T, diện tích 2.764m², loại đất thổ cư (T). Đây là một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai.

Tại điểm b khoản 5 Điều 24 nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định: *b) Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây mà người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này nhưng diện tích đất ở chưa được xác định theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai, khoản 3 Điều này và chưa được xác định lại theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003, nay người sử dụng đất có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở hoặc khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai và khoản 3 Điều này; hộ gia đình, cá nhân không phải nộp tiền sử dụng đất, được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đã được xác định lại là đất ở.*

Như vậy, theo các quy định của pháp luật được viện dẫn trên thì việc bà C kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ và có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất (Mẫu 5b) nên thuộc trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, căn cứ vào

điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ, khi UBND huyện S thu hồi đất của bà C phải bồi thường là đất ở và cấp đất tái định cư cho gia đình bà mới đúng quy định của pháp luật nhưng UBND huyện S lại ban hành quyết định thu hồi và bồi thường loại đất BHK là thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà C. Vì vậy, bà Ngô Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp V, giai đoạn 1B tại xã T (Đ).

- Hủy một phần Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Ngô Thị C, thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp V, giai đoạn 1B tại xã T (Đ) đối với loại đất bồi thường BHK; nhà ở, các công trình khác và cây lâu năm được trồng trên đất.

**** Tại Văn bản trình bày ý kiến số 112/UBND-NC ngày 16/01/2024, Văn bản số 636/UBND-NC ngày 08/4/2024, người bị kiện** UBND huyện S **trình bày:***

Thửa đất hộ bà Ngô Thị C đang phát sinh khiếu kiện là thửa đất số 254, tờ bản đồ địa chính khu đất số 02, diện tích 2.922,4m², loại đất BHK (theo hồ sơ địa chính thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ địa chính số 40 xã T, diện tích 3.168,0m², loại đất ĐRM). Thửa đất này được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Ngô Thị C vào sổ số 00109 QSDĐ/1078-QĐ-UB ngày 19/12/1998.

Thửa đất này bị ảnh hưởng dự án Khu công nghiệp V, giai đoạn 1B tại xã T và đã được UBND huyện S phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 12/10/2023; thu hồi đất tại Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 và phê duyệt bồi thường cá nhân tại Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 538.438.500 đồng, cụ thể: Bồi thường, hỗ trợ về đất 490.963.200 đồng; Bồi thuờng, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc 13.547.340 đồng; Bồi thường cây cối, hoa màu 17.810.040 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống: 16.117.920 đồng.

Về bồi thường, hỗ trợ về đất:

Về diện tích, loại đất: Trên cơ sở bản đồ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q thẩm định ngày 26/12/2022 và xác nhận của UBND xã T tại Công văn số 325/UBND ngày 21/7/2023, theo đó diện tích thửa đất là 2.922,4m^2 và loại đất là BHK.

Đối với đơn giá bồi thường: Áp dụng theo Quyết định số 11/2020/QD UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q về việc Ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Q về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi

thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Theo đó, đơn giá bồi thường là 42.000 đồng/m² và hệ số điều chỉnh giá đất là 1 lần.

Về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 15 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q, theo đó mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 03 lần giá đất nêu trên.

UBND huyện S không áp dụng điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ để xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ địa chính khu đất số 02, xã T để tính toán bồi thường, hỗ trợ là vì theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ chỉ áp dụng đối với thửa đất ở có vườn, ao đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014. Do đó, thửa đất số 254, tờ bản đồ địa chính khu đất số 02, xã T không thuộc đối tượng áp dụng. Việc UBND huyện S xác định loại đất nông nghiệp để bồi thường là căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp được quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013.

Theo thông tin do UBND xã T cung cấp tại Công văn số 131/UBND ngày 02/4/2024 cho biết, tại thời điểm đo đạc thành lập bản đồ để thực hiện Nghị định 64/CP (gọi là bản đồ địa chính năm 1998) thì tại thời điểm đo đạc, hiện trạng sử dụng đất trồng hoa màu. Như vậy, thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 (theo Chỉ thị 299/TTg) biến động thành thửa đất số 80, diện tích 3.168m², tờ bản đồ số 40, loại đất ĐRM (đất màu) được Tổ 64 (gọi là Tổ thực hiện đề án 64) cân đối đưa thửa đất số 80, tờ bản đồ số 40 xã T vào loại đất nông nghiệp và cân đối theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Ngô Thị C thể hiện trong Sổ mục kê đất Nghị định 64/CP, quyển số 07, trang số 03, UBND xã T lập năm 2000.

UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 80, diện tích 3.168m², tờ bản đồ số 40, loại đất ĐRM (đất màu) là dựa trên cơ sở đơn đăng ký quyền sử dụng đất do bà Ngô Thị C kê khai ngày 18/02/1998 và theo đề nghị của UBND xã T.

Theo Đề án giao đất theo Nghị định 64/CP của xã T thì tại thôn T, xã T mỗi nhân khẩu được chia 1.322,58m² và đất vườn được quy đổi sau khi trừ diện tích đất ở theo luật: đất vườn là đất chuyên trồng màu được quy đổi 1-1,5. Tại thời điểm chia đất theo Nghị định 64/CP, hộ bà Ngô Thị C có 5 khẩu và được cân đối gồm 06 thửa đất như sau: Thửa đất số 510, diện tích 456m², loại đất Lúa, tờ bản đồ số 38; thửa đất số 969, diện tích 560m², loại đất Lúa, tờ bản đồ số 38; thửa đất số 80, diện tích 3.168m², loại đất ĐRM, tờ bản đồ số 40; thửa đất số 75, diện tích 560m², loại đất Lúa, tờ bản đồ số 40; thửa đất số 286, diện tích 816m², loại đất Lúa, tờ bản đồ số 41; thửa đất số 71, diện tích 2.080m² (trong đó: 200m² loại đất ở và 1.880m² BHK), tờ bản đồ số 40. Tổng diện tích cân đối theo Nghị định 64/CP của hộ bà Ngô Thị C là 7.440m². Như vậy, hộ bà Ngô Thị C được chia đủ định suất.

Về đất ở trên địa bàn xã T: Hộ bà Ngô Thị C hiện đang sử dụng thửa đất số 71, diện tích 2.080m², loại đất T, tờ bản đồ số 40 (bản đồ năm 1998) xã T nay thuộc thửa đất số 256, diện tích 1.930,6m,^{2} loại đất ONT+BHK, tờ bản đồ số 47 (bản đồ đo đạc 2018).

Về bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc:

Đối với giếng buy bê tông không cốt thép đường kính 1,2m≤0≤1,4m (5md): Theo xác nhận của UBND xã T tại Công văn số 489/UBND ngày 24/10/2022, thời điểm xây dựng vào năm 1986. Áp dụng điểm a khoản 16 Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q, được hỗ trợ bằng 100% giá trị công trình theo quy định.

Đối với Nhà cấp IV.C (diện tích 32,0m²), nhà cấp NK7 (diện tích 24,8m²), nhà cấp NK6 (diện tích 10,5m²), tường rào TR6 (diện tích 295,5m²) và chuồng trâu bò CT3 (diện tích 14,7m²): Theo xác nhận của UBND xã T tại Công văn số 489/UBND ngày 24/10/2022, thời điểm xây dựng vào năm 2017. Áp dụng điểm c khoản 16 Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì không được hỗ trợ.

Về bồi thường cây cối, hoa màu:

Áp dụng Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Q về việc Ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2023 và Công văn số 1269/UBND ngày 09/6/2023 của UBND huyện S về việc thống nhất đơn giá các loại cây trồng để phục vụ công tác bồi thường, GPMB khi Nhà nước thu hồi đất các dự án trên địa bàn huyện năm 2023.

Đối với bồi thường cây lâu năm trên đất trồng cây hàng năm: Thực hiện Công văn số 597/UBND-TNMT ngày 17/4/2023 của UBND huyện S về việc áp dụng pháp luật trong thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện S, theo đó áp dụng khoản 2 Điều 5 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ T, cây lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm là vi phạm. Do đó, tài sản là cây lâu năm được tạo lập trái quy định của pháp luật nên không bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai 2013.

Về hỗ trợ ổn định đời sống:

Hộ bà Ngô Thị C có tỉ lệ mất đất trên 70%, theo quy định được hỗ trợ 12 tháng. Tuy nhiên, tại các đợt trước bị ảnh hưởng dự án có tỉ lệ mất đất từ 30% đến 70% đã được hỗ trợ ổn định đời sống 06 tháng tại các Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 (Đợt 17), số 4199/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 (Đợt 20) và số 4419/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 (Đợt 29). Vì vậy, phương án đợt này hỗ trợ ổn định đời sống thêm 06 tháng.

Việc UBND huyện S tính toán bồi thường, hỗ trợ cho bà Ngô Thị C là đúng quy định pháp luật.

**** Tại Văn bản ý kiến số 28/UBND ngày 19/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*** UBND xã T ***trình bày:***

UBND xã T xác nhận nguồn gốc đất, loại đất, diện tích cho hộ bà Ngô Thị C khi UBND huyện S thu hồi thửa đất số 254, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính khu đất, loại đất BHK, để thực hiện dự án: Khu công nghiệp V, giai đoạn 1B, tại xã T (đợt 30):

Đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 02 (bản đồ trích đo khu đất) được biến động từ thửa đất số 80, diện tích 3.168m², loại đất ĐRM (đất màu), tờ bản đồ số 40 (bản đồ 1998) xã T, được cân đối giao theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Ngô Thị C.

Đến ngày 18/02/1998, bà Ngô Thị C có đơn đăng ký quyền sử dụng đất gồm 01 thửa đất ở và 05 thửa đất nông nghiệp, được UBND xã T xác nhận ngày 03/10/1998, đến ngày 17/6/1998, Hội đồng xét và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Ngô Thị C theo Quyết định số 1078/QĐ-UB ngày 19/12/1998 của UBND huyện S.

Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 02 (bản đồ trích đo khu đất), loại đất BHK (tương ứng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 40 xã T) qua các thời kỳ, việc biến động về loại đất từ đất T trong Sổ đăng ký ruộng đất sang loại đất ĐRM (đất trồng cây hàng năm khác), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và loại đất BHK theo hồ sơ thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ:

Theo hồ sơ 299/TTg: Thuộc thửa đất số 371, diện tích 2.764m², loại đất T, tờ bản đồ số 04 xã T được bà Ngô Thị C kê khai đăng ký trong Sổ đăng ký ruộng đất 299/TTg, (sổ 5b), Quyển số 01, trang số 13.

Theo hồ sơ 64/CP: Thửa đất số 371, bản đồ 04 (bản đồ 299/TTg) được đo đạc biến động thành thửa đất số 80, diện tích 3.168m², tờ bản đồ số 40, loại đất ĐRM (đất màu), bà Ngô Thị C kê khai trong Sổ mục kê đất Nghị định 64/CP, Quyển số 07, trang số 03 được UBND xã T lập ngày 14/01/2000.

Về diện tích, loại đất: Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Ngô Thị C và bản đồ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q thẩm định ngày 26/12/2022, UBND xã T xác nhận tại Công văn số 325/UBND ngày 21/7/2023, diện tích thửa đất là 2.922,4m² và loại đất là BHK (đất trồng cây hàng năm khác).

** **Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 27/01/2024, ngày 28/01/2024, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà*** Nguyễn Tăng V, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H1 ***trình bày:***

Các ông, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ là bà Ngô Thị C và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 79, 89, 90, 92, điểm b khoản 1 Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C:

- Hủy Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp V, giai đoạn 1B tại xã T (Đ).

- Hủy một phần Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Ngô Thị C, thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp V, giai đoạn 1B tại xã T (Đ) đối với loại đất bồi thường BHK; nhà ở, các công trình khác và cây lâu năm được trồng trên đất.

Đề nghị UBND huyện S phải ban hành quyết định hành chính mới thay thế các quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2024, người bị kiện UBND huyện S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Ngô Thị C do ông Huỳnh Ngọc Ấ đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi do ông Trương Công H đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Trương Công H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện UBND huyện S và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét kháng cáo của người bị kiện UBND huyện S thì thấy: Về nguồn gốc thửa đất số 254, tờ bản đồ địa chính khu đất số 02, diện tích 2.922,4m^2, loại đất BHK là của vợ chồng ông Nguyễn Tăng N (chết) và bà Ngô Thị C tạo lập từ năm 1970, vợ chồng bà C làm nhà ở sinh sống ổn định từ trước năm 1975. Sau năm 1975 hồ sơ địa chính được thể hiện như sau:

Theo hồ sơ 299/TTg là thuộc thửa đất số 371, diện tích 2.764m^2, loại đất T, tờ bản đồ số 04 xã T được bà Ngô Thị C kê khai đăng ký trong sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b), Quyển số 01, trang số 13.

Theo hồ sơ 64/CP thì thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 299/TTg) được đo đạc biến động thành thửa đất số 80, diện tích 3.168m^2, tờ bản đồ số 40, loại đất ĐRT (đất màu), bà Ngô Thị C kê khai trong sổ mục kê đất Nghị định 64/CP, Quyển số 07, trang số 03 được UBND xã T lập ngày 14/01/2000.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, UBND xã T lập đề án cân đối đất cho các hộ dân trên địa bàn xã thì mỗi nhân khẩu được cân đối 1.322,58m^2 đất nông nghiệp. Hộ bà Ngô Thị C có 05 nhân khẩu được Nhà nước cân đối giao 7.440m^2 đất, trong đó có thửa đất số 80, diện tích 3.168m^2.

Ngày 18/02/1998, bà Ngô Thị C có đơn xin đăng ký quyền sử dụng 06 thửa đất. Trong đó có thửa đất số 80, diện tích 3.168m^2, loại đất màu, nguồn gốc sử dụng cấp theo Nghị định 64/CP. Ngày 19/12/1998, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Ngô Thị C 05 thửa đất, trong đó có thửa đất số 80, diện tích 3.168m^2, loại đất rau màu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00109 QSDĐ/1078-QĐ-UB, 04 thửa đất còn lại là thửa đất lúa.

Ngày 28/9/2018, bà Ngô Thị C có đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 31/3/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Ngô Thị C có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 21507 đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 46, diện tích 2.922,4m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác.

Ngày 12/10/2023, UBND huyện S ban hành Quyết định số 3649/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị C để thực hiện dự án: Khu công nghiệp V giai đoạn 1B tại xã T (Đ) và đã thu hồi diện tích 2.922,4m^2 đất tại thửa đất số 254, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính khu đất, loại đất BHK.

Theo xác nhận ngày 25/4/2024 của ông Nguyễn Đắc C1, bà Nguyễn Thị M, bà Huỳnh Thị H2 là những người cao tuổi có nội dung: Từ trước năm 1975 vợ chồng bà C ở trên mảnh vườn này. Sau khi chồng bà C chết thì bà C ở … Năm 2019, căn nhà cũ xuống cấp nên bà C sửa chữa lại như hiện nay. Trên mảnh vườn còn có giếng nước (giếng đào), chuồng bò, cây ăn trái vẫn còn cho đến nay.

Tại Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Ngô Thị C thì có nhà cấp IV.C, nhà NK7, nhà NK6, giếng, nền xi măng, chuồng bò, tường rào, tường lưới B40 và nhiều loại cây trồng.

Như vậy, theo hồ sơ 299/TTg bà Ngô Thị C kê khai là đất T, bà C sử dụng thửa đất số 254 từ trước ngày giải phóng, làm nhà ở, các công trình, cây trồng sử dụng cho đến khi giải tỏa đền bù. Bản án sơ thẩm cho rằng, quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất của UBND huyện S xác định đất BHK đối với hộ bà Ngô Thị C là không đúng. Đồng thời không bồi thường về nhà, các công trình và một số cây cối cho bà C là không phù hợp. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C, hủy Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 và một phần quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S và đề nghị UBND huyện S phải ban hành quyết định hành chính mới thay thế các quyết định nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND huyện S không cung cấp chứng cứ gì mới nên chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người bị kiện UBND huyện S và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên UBND huyện S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính

1. Bác kháng cáo của người bị kiện UBND huyện S và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 79, 89, 90, 92, điểm b khoản 1 Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C:

- Hủy Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp V, giai đoạn 1B tại xã T (Đ).

- Hủy một phần Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Ngô Thị C, thường trú xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp V, giai đoạn 1B tại xã T (Đ) đối với loại đất bồi thường BHK; Nhà ở, các công trình khác và cây lâu năm được trồng trên đất.

Đề nghị UBND huyện S phải ban hành quyết định hành chính mới thay thế các quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy.

2. Về án phí: UBND huyện S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng UBND huyện S đã nộp lại biên lai thu tiền số 0003046 ngày 25/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Thanh Liêm